

# Một số suy nghĩ về hình phạt tử hình trong Luật hình sự Việt Nam

Nguyễn Ngọc Chí\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 10 tháng 02 năm 2012

**Tóm tắt.** Từ việc nghiên cứu các xu hướng của việc duy trì hay bãi bỏ hình phạt tử hình và các quy định về hình phạt tử hình trong lịch sử và Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành, tác giả đã đặt ra một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt này, đặc biệt là vấn đề loại bỏ hay duy trì hình phạt tử hình trong Luật hình sự cần được tiến hành thông qua thủ tục trưng cầu ý dân.

1. Hình phạt tử hình đã tồn tại trong Luật hình sự Việt Nam với cả ngàn năm lịch sử từ khi hình thành nhà nước, khi pháp luật chưa thành văn cho tới tận bây giờ. Dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, hình phạt tử hình không những được coi là biểu tượng thể hiện uy quyền của nhà nước mà còn là phương tiện trả thù của người bị hại thông qua nhà nước đối với người phạm tội theo kiểu “*nợ máu phải trả bằng máu*”. Vì vậy, hình phạt tử hình phù hợp với lòng dân, thỏa mãn đòi hỏi được trả thù và phù hợp tư tưởng đạo đức, lễ giáo của xã hội phong kiến. “*Hình phạt tử hình đã được áp dụng từ thời cổ đại và được ghi nhận trong những văn kiện cổ xưa nhất của nhân loại hiện còn lưu giữ được. Thêm vào đó, nhiều phong tục tập quán còn tồn tại ở một số bộ lạc hiện nay cũng cho thấy hình phạt tử hình đã là một phần trong cơ chế tư pháp của xã hội loài người ngay từ thuở sơ khai*”. Không riêng gì Việt Nam mà tất cả các triều đại phong kiến trên thế giới đều qui định hình phạt tử hình trong luật hình sự của mình. Chẳng những qui định hình phạt tử hình mà người ta còn nghĩ ra các hình thức thi hành hình phạt tử hình sao cho dã man nhất và phân biệt được đẳng cấp của người bị áp dụng hình

phạt tử hình. Hẳn mọi người đều biết có “tử tội” cứ khăng khăng đòi được chết bằng “*hổ đầu trăm*” chứ nhất định không chịu chết bởi “*cầu đầu trăm*” như lời phán quyết của Bao đại nhân chỉ vì lý do trước khi bị kết tội anh ta là quan đại thần trong Triều. Thật là bi hài, nhưng nó phản ánh tính thâm căn cố đế của xã hội đẳng cấp phong kiến, đến lúc chết cũng không sợ chết mà chỉ sợ chết không đúng với phẩm vị của mình được Nhà vua phong tặng. Chuyển sang chế độ thực dân do Pháp cai trị hình phạt tử hình vẫn được duy trì và được coi là công cụ hữu hiệu đàn áp những người chống lại chế độ cai trị hà khắc bằng những cách thức dã man mang tính chất khủng bố tinh thần, mà máy chém là một trong những ví dụ sinh động về tính dã man của công cụ thi hành hình phạt tử hình do thực dân Pháp áp dụng trong suốt gần một thế kỷ cai trị đất nước ta. Cách mạng tháng Tám thành công, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời mang lại độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và đã có nhiều cải cách mang tính chất cách mạng nhưng hình phạt tử hình vẫn được tồn tại trong Luật hình sự từ đó tới nay. Hình phạt này đã và đang tồn tại trong các đạo luật hình sự của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qua các thời kỳ, tuy đã có xu hướng thu hẹp phạm vi và nhân đạo hơn. Nhìn ra thế giới, hình phạt tử hình vẫn được duy

\* ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: chin1957@yahoo.com

trì ở phần đông các quốc gia kể cả ở những quốc gia có sự phát triển cao trên nhiều lĩnh vực. Như vậy, sự tồn tại của hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt có qui luật tồn tại riêng, không thể bỗng chốc có thể xóa bỏ ngay được.

Đã có rất nhiều nghiên cứu về hình phạt tử hình, mà cụ thể là nghiên cứu về sự tồn tại của hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt. Về cơ bản có hai quan điểm:

(1) Quan điểm xóa bỏ hình phạt tử hình cho rằng việc duy trì hình phạt tử hình là không nhân đạo, là sự vi phạm nhân quyền vì đã tước bỏ quyền thiêng liêng nhất của con người là quyền được sống cho dù với bất kỳ lý do nào; Duy trì hình phạt tử hình sẽ không còn điều kiện giáo dục, cải tạo người phạm tội do đó mục đích của hình phạt không đạt được; Người bị áp dụng hình phạt tử hình nếu họ bị oan sẽ không còn khả năng khắc phục những sai lầm của các cơ quan tư pháp. Hình phạt tử hình không những là biện pháp quá hà khắc đối với người phạm tội mà còn gây tổn thương đến người thân thích của họ nhất là đối với người chưa thành niên và cuối cùng hình phạt tử hình không những không làm giảm tình hình tội phạm (phòng ngừa chung) mà còn là mầm mống của sự chống đối và bất ổn xã hội;

(2) Quan điểm duy trì hình phạt tử hình lập luận rằng, không phải duy trì hình phạt tử hình là không nhân đạo mà tính nhân đạo thể hiện ở việc trừng trị người phạm tội (số ít) để bảo vệ tính mạng và những lợi ích của số đông (tất cả mọi người) trong xã hội là việc làm nhân đạo cần thiết và tính nhân đạo còn thể hiện ở việc thi hành hình phạt tử hình làm sao cho “tử tội” được “ra đi” nhẹ nhàng nhất, cũng như không mang tính khủng bố tinh thần đối với người khác. Ngoài ra, những người ủng hộ quan điểm này còn đưa ra những lý do sau: không duy trì hình phạt tử hình sẽ không ngăn chặn được những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm hại đến lợi ích chung của xã hội, những quyền tự nhiên, cơ bản, thiết thân của con người như: Quyền sống, quyền an toàn thân thể... và vì vậy mục đích phòng ngừa chung đối với tội phạm đạt hiệu quả cao... Bên cạnh việc đưa ra các lập luận cho sự cần thiết phải duy trì

hình phạt tử hình quan điểm này thừa nhận nội dung quan trọng, đó là: Việc duy trì hình phạt tử hình chỉ là quá độ đến một lúc nào đó khi điều kiện cho phép sẽ xóa bỏ hình phạt này và trong khi còn duy trì thì phải thu hẹp phạm áp dụng cũng như tìm ra những hình thức thi hành không gây đau đớn, hoảng loạn cho người phải chịu hình phạt tử.

Lập luận của hai quan điểm trên đã, đang và sẽ là những cuộc tranh cãi vô tận, bất phân thắng bại mà sản phẩm có lẽ là các đề tài, kỷ yếu hội thảo, cuốn sách, các luận văn, luận án thạc sỹ, tiến sỹ mặc dù nó là cần thiết nhưng không thể quyết định được việc bỏ hay duy trì hình phạt tử hình. Vì vậy, bản chất cho vấn đề cốt lõi nêu trên là ở việc nhân dân đã muốn bỏ loại hình phạt tử hình hay chưa. Về nguyên tắc nhân dân quyết định mọi vấn đề của đất nước thông qua hình thức dân chủ trực tiếp hoặc dân chủ gián tiếp bằng đại diện của mình tại các cơ quan quyền lực là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Duy trì hay xóa bỏ hình phạt tử hình là vấn đề quan trọng nên thường được thực hiện bởi hình thức dân chủ trực tiếp - trưng cầu ý dân. Trước khi qui định xóa bỏ hình phạt tử hình các quốc gia trong khối EU đã đưa vấn đề này ra trưng cầu ý dân và đa số họ đã đồng ý. Hiện nay một trong những điều kiện (bắt buộc) để gia nhập EU của quốc gia mới phải chấp thuận việc bãi bỏ hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt của quốc gia mình và họ cũng phải trưng cầu ý dân về sự tồn tại của hình phạt tử hình. Cũng theo xu hướng này, các thiết chế tư pháp quốc tế trừng trị tội phạm quốc tế lập ra những năm gần đây đều không qui định hình phạt tử hình. Qui chế Rome 1988 về Tòa án hình sự quốc tế được thành lập để xét xử đối với những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nhất xâm phạm lợi ích chung của nhân loại là tội diệt chủng, tội chống nhân loại, tội chiến tranh và tội xâm lược nhưng cũng không qui định hình phạt tử hình để áp dụng đối với người phạm tội. Như vậy, việc bỏ hay duy trì hình phạt tử hình hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người dân trên cơ sở nhận thức và mong muốn của họ.

Nghiên cứu việc loại bỏ hình phạt tử hình ở một số quốc gia thấy rằng ý chí của người dân

về vấn đề này dựa trên những cơ sở chung (điều kiện) nhất định, đó là:

(1) Kinh tế của đất nước phát triển ở trình độ tương đối cao tạo nền tảng làm giảm những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm được thực hiện có tính chất dã man, tàn bạo... làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Khi kinh tế phát triển, con người có điều kiện vật chất bảo đảm để họ hành xử một cách văn minh, hướng tới giá trị nhân cách tốt đẹp thì hành vi lệch chuẩn, hành vi phạm tội trong xã hội sẽ giảm bớt trong đó có những tội gây nguy hại cao cho xã hội và do đó không cần đến hình phạt tử hình. Thực tế cho thấy, những nước bỏ hình phạt tử hình đa phần là các quốc gia phát triển có thu nhập bình quân đầu người cao, tiềm lực kinh tế mạnh. Sự phát triển kinh tế là tiền đề có tính chất nền tảng cho việc loại bỏ hình phạt tử hình, nhưng không phải cứ có trình độ phát triển kinh tế cao đều dẫn đến việc xóa bỏ hình phạt tử hình. Bên cạnh tiền đề này còn cần phải có những điều kiện khác nữa với cơ chế vận hành theo xu hướng tiến bộ phù hợp với tiến trình văn minh của nhân loại mới có thể dẫn đến việc loại bỏ hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt một quốc gia. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi nhiều bang của Hoa kỳ vẫn duy trì hình phạt tử hình hoặc tái qui định hình phạt đó sau một thời gian xóa bỏ;

(2) Xã hội ổn định, an sinh và phúc lợi xã hội bảo đảm đời sống cho mọi tầng lớp nhân dân nhất là đối với những người có thu nhập thấp hoặc thất nghiệp. Đây là tiền đề về xã hội tạo điều kiện cho việc loại bỏ hình phạt tử hình theo các khuynh hướng tác động sau: *Thứ nhất*, xã hội phát triển ổn định không có khủng hoảng, không có chiến tranh, không có xung đột sẽ bớt đi những tội phạm có tính chất tranh dành quyền lực giữa các nhóm lợi ích, các sắc tộc, tôn giáo do đó, khả năng loại bỏ những tội phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội tăng lên nên việc sử dụng hình phạt tử hình sẽ không còn cần thiết. *Thứ hai*, an sinh và phúc lợi xã hội tốt thể hiện khoảng cách giàu, nghèo trong xã hội được thu hẹp, bất công xã hội giảm, quyền con người được bảo đảm sẽ tác động tích cực đến tình hình tội phạm và do đó hình phạt

tử hình sẽ không cần được sử dụng để thiết lập lại công bằng xã hội;

(3) Trình độ văn hóa, nhất là văn hóa pháp lý, văn hóa ứng xử của người dân cao đủ để họ không những nhận được tính chất nguy hiểm của tội phạm mà còn nhận thức được lòng vị tha trên phạm vi toàn xã hội mới có thể cảm hóa được người phạm tội cho dù họ đã phạm vào những tội ác nghiêm trọng nhất. Hình phạt tử hình ngay từ khi xuất hiện đã mang trong mình tính chất trả thù đối với người phạm tội trước khi nó được “gán” cho các mục đích ngăn chặn, răn đe tội phạm, phòng ngừa riêng, phòng ngừa chung... Lúc đầu là sự trả thù giữa các cá nhân, khi xã hội phát triển sự trả thù đó được thông qua nhà nước với vai trò thiết lập lại trật tự, công bằng xã hội đồng thời mang ý nghĩa an ủi nỗi đau, vượt ve lòng hận thù của người bị hại hoặc thân nhân người bị hại. Suy nghĩ, lập luận này được xã hội xem là hợp tình, hợp lý và được tôn tại như một lẽ đương nhiên. Ngay cả giáo lý của các tôn giáo luôn đề cao tính thần “từ bi”, hỷ xả, cảm sát sinh nhưng vẫn tán đồng và chấp nhận hình phạt tử hình trong một số trường hợp nhất định. “Kinh Cựu ước (quyển 9, đoạn 6), trong đó nêu rằng: “Bất kỳ ai làm đổ máu người khác, người đó phải bị đổ máu”. Kinh Cựu ước qui định hình phạt tử hình đối với các tội giết người, tội cố ý hành hạ cha mẹ, tội nguyên rủa cha mẹ, tội trộm cắp, các tội về tình dục, tội báng bổ kinh thánh... Giáo lý của các tôn giáo khác cũng có những điều tương tự. Nói như vậy để thấy rằng sự tồn tại hình phạt tử hình có nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc văn hóa của con người và chỉ khi nào những yếu tố đó thay đổi mới dẫn đến sự thay đổi quan điểm về sự tồn tại của hình phạt tử hình. Văn hóa được hình thành do sự tác động của nhiều thành tố, trong đó tồn tại xã hội giữ vai trò quyết định đến trình độ của nền văn hóa, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, xóa bỏ lòng hận thù ở mỗi con người. Do vậy, khi xã hội có văn hóa cao sẽ tạo sự đồng thuận đối với việc xóa bỏ hình phạt tử hình;

(4) Có nhà nước pháp quyền mạnh để thực hiện quyền lực nhân dân trong đó pháp luật ổn định, minh bạch và giữ vai trò tối thượng trong tất cả các ứng xử của mọi người dân kể cả các

quan chức cao cấp nhất. Đây là điều kiện để tạo nên sự công bằng xã hội, tạo nên bảo đảm về công lý có ở mọi lúc mọi nơi và đặc biệt củng cố lòng tin của người dân đối với việc thi hành án của các cơ quan có thẩm quyền, làm cho họ yên tâm khi các hình phạt khác có thể đảm đương được vai trò của hình phạt tử hình;

(5) Nhà nước, xã hội tạo ra được nhiều biện pháp có thể thay thế hình phạt tử hình. Nếu bỏ hình phạt tử hình, một logic tư duy thông thường sẽ dẫn đến câu hỏi chúng ta có biện pháp gì thay thế để bảo đảm cho mục đích, vai trò của hình phạt tử hình được thực thi mà suy cho cùng là mục đích ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm và lợi ích xã hội có được duy trì hay không. Trả lời câu hỏi này, nhà nước ngoài việc qui định các hình phạt thay thế phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, giáo dục, cải tạo người phạm tội có hiệu quả tác động đến nhận thức, tâm lý của người dân. Những điều kiện nêu trên được vận hành trong xã hội sẽ tạo ra nhiều khả năng để thay thế cho hình phạt tử hình mà vẫn bảo đảm được mục đích trừng trị, giáo dục cải tạo người phạm tội, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt. Những khả năng này thể hiện ở việc Luật hình sự qui định các loại, mức và hình thức hình phạt thay thế hình phạt tử hình, chẳng hạn đối với các tội phạm kinh tế ngoài hình phạt tù còn có các hình phạt có tính chất kinh tế thật nghiêm khắc có thể thay thế hình phạt tử hình áp dụng đối với người phạm tội. Bên cạnh đó xã hội còn tạo những tiền đề vật chất để có thể cải tạo, cảm hóa được người phạm tội. Tất cả các khả năng, tiền đề nói trên tác động đến nhận thức của người dân làm cho họ thấy rằng không nhất thiết phải tước bỏ tính mạng của người phạm tội cho dù họ phạm vào những tội ác nghiêm trọng nhất thì cuộc sống của họ và xã hội vẫn bình yên. Cũng chính vì vậy, lòng vị tha, tính nhân đạo ở mỗi con người cũng như toàn xã hội được trỗi dậy, được bảo đảm bằng những cơ chế pháp luật cho nên không có gì vô nghĩa hơn, phi nhân tính hơn việc tước bỏ cuộc sống của người phạm tội. Người dân đã đi theo logic này và nhà nước chỉ thực hiện công việc phản ánh ý chí đó của nhân trong các qui phạm pháp luật.

2. Duy trì hay xóa bỏ hình phạt tử hình trong Luật hình sự là đề tài gây nhiều tranh cãi trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, xu hướng chung là hạn chế và tiến tới xóa bỏ hình phạt tử hình. Nhìn lại việc qui định hình phạt tử hình trong Luật hình sự nước ta từ 1945 đến nay cũng đã thể hiện khuynh hướng này. Nếu Bộ luật hình sự (BLHS) 1985 (Bộ luật hình sự đầu tiên của Việt Nam) sau nhiều lần sửa đổi bổ sung còn 44 điều luật qui định hình phạt tử hình thì BLHS 1999 chỉ còn qui định hình phạt tử hình ở 29 điều luật. Trước yêu cầu cải cách tư pháp theo các Nghị quyết của Đảng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS (năm 2009) đã xóa bỏ hình phạt tử hình ở các điều luật qui định 8 tội phạm [1], đó là: Tội hiếp dâm (Điều 111); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139); Tội buôn lậu (Điều 153); Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu, công trái giả (Điều 180); Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197); Tội chiếm đoạt máy bay, tàu thủy (Điều 221); Tội đưa hối lộ (Điều 289), Tội phá hoại vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 334). Như vậy, BLHS hiện hành ở nước ta chỉ còn 22 điều luật qui định hình phạt tử hình (do Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS (2009) đã tách Tội khủng bố thành hai tội: Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84) và Tội khủng bố (Điều 230a thuộc chương Các tội xâm phạm trật tự, an toàn công cộng), hai tội phạm này đều qui định hình phạt tử hình).

Việc duy trì 22 tội phạm có qui định hình phạt tử hình của BLHS hiện hành cũng gây ra nhiều tranh luận của các nhà nghiên cứu, hoạt động thực tiễn và trong xã hội. Những năm gần đây, ở nước ta đã có nhiều hội thảo, hội nghị, các nghiên cứu về sự tồn tại của hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt. Các nghiên cứu đã chỉ ra cơ sở lý luận, thực tiễn của vấn đề và đặc biệt nhấn mạnh đến xu thế hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi phải có sự tương thích pháp luật làm lập luận cho quan điểm của mình. Chúng tôi có quan điểm về vấn đề này như sau:

**Thứ nhất**, tại thời điểm hiện nay và một vài chục năm tiếp theo ở Việt Nam vẫn nên duy trì hình phạt tử hình do những tiền đề, điều kiện để

xóa bỏ hình phạt tử hình chưa hình thành rõ nét. Như đã phân tích ở phần trên, các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, pháp lý... của chúng ta đang còn ở mức độ thấp chưa đủ tạo ra những bảo đảm cho việc thay thế cho hình phạt tử hình mà vẫn thực hiện được mục đích của hình phạt, duy trì được trật tự xã hội. Chúng tôi nhấn mạnh đến tiền đề văn hóa và sự nhận thức của người dân về hình phạt tử hình. Theo các khảo sát mới đây có thể thấy đa phần người dân coi việc có hình phạt tử hình trong cơ cấu của hệ thống hình phạt là một lẽ đương nhiên mà thiếu nó là sự trống vắng, sự không công bằng của pháp luật, nhất là đối với vụ án về tham nhũng hoặc những vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng gây ra hậu quả đặc biệt lớn. Với 4 câu hỏi: (1) Xóa bỏ hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt; (2) Duy trì hình phạt tử hình; (3) Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình; (4) ý kiến khác thì tỷ lệ tương ứng trong tổng số nhưng người tham gia trả lời là: 37, 82% (222 người); 5, 96% (35 người); 51, 96% (305 người); 4, 26% (25 người) của Dự án “Khảo sát tác động ngăn ngừa của một số hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 được tiến hành bởi nhóm chuyên gia Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội [2]. Nếu cộng tỷ lệ câu hỏi (2) + (3) của những người đồng tình với việc duy trì hình phạt tử hình là 57, 92 sẽ cao hơn tỷ lệ 37, 82% của những người ủng hộ quan điểm loại bỏ hình phạt này. Như vậy, đa số người dân vẫn có quan điểm muốn duy trì hình phạt tử hình trong điều kiện đất nước hiện nay. Vụ án cướp tiệm vàng ở Bắc Giang xảy ra năm 2011 là minh chứng cụ thể cho nhận định này. Mặc dù bị cáo phạm vào những tội đặc biệt nghiêm trọng: Tội giết người (3 người trong đó có 1 trẻ em), Tội cướp tài sản, Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với nhiều tình tiết tăng nặng nhưng do bị cáo chưa đủ 18 tuổi tại thời điểm thực hiện tội phạm nên theo qui định của pháp luật bị cáo sẽ không bị áp dụng hình phạt tử hình. Biết được điều này nhiều người dân đã tỏ thái độ bức xúc trên các phương tiện truyền thông và người đại diện cho các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Bắc Giang đã phải giải thích, trấn an dư luận. Thái độ đó ẩn chứa các điều kiện, đặc

điểm kinh tế, xã hội, văn hóa và ý thức pháp luật của người dân đối với hình phạt tử hình. Nói cách khác, người dân Việt Nam chưa sẵn sàng cho việc loại bỏ hình phạt tử hình trong cơ cấu của hệ thống hình phạt nước ta. Nếu ngay lập tức bãi bỏ hình phạt tử hình dễ dẫn đến phản ứng của người dân, gây bất ổn xã hội.

**Thứ hai**, việc duy trì hình phạt tử hình trong giai đoạn hiện nay là cần thiết, tuy nhiên cần thu gọn phạm vi áp dụng loại hình phạt này. Việc thu gọn hình phạt tử hình cần được tiến hành trên các bình diện sau:

(1) Ở bình diện lập pháp, cần có sự khảo sát, đánh giá toàn diện để có cơ sở tiếp tục loại bỏ thêm một số điều luật có qui định hình phạt tử hình trong BLHS hiện hành. Khi đánh giá cần dựa vào những tiêu chí chủ yếu sau: Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước; Thái độ của người dân đối với việc loại bỏ hình phạt tử hình ở một tội phạm cụ thể; Các giải pháp trấn áp và giáo dục cải tạo đối với người phạm tội khi hình phạt tử hình được xóa bỏ; Tính chất, mức độ nguy hiểm và tác hại của tội phạm đối với xã hội cũng như tầm quan trọng của khách thể cần được bảo vệ ở một tội phạm cụ thể; Sự tương thích về biện pháp trừng trị trong mối quan hệ so sánh giữa tội phạm được qui định trong BLHS hiện hành với các điều ước quốc tế mà chúng ta tham gia, cũng như xu hướng chung của cộng đồng quốc tế về vấn đề này. Trên cơ sở những tiêu chí vừa nêu, theo chúng tôi nên loại bỏ hình phạt tử hình ở những tội phạm sau trong tổng số 22 điều luật còn qui định hình phạt này của BLHS, đó là:

- *Nhóm các tội phạm có tính chất kinh tế:* Khi thực hiện những tội phạm này về thực chất người phạm tội hướng tới mục đích thu được lợi ích về kinh tế bằng những thủ đoạn phạm tội khác nhau, trong đó có cả các thủ đoạn được qui định ở Tội tham ô, Tội nhận hối lộ thuộc nhóm tội phạm tham nhũng. Cơ sở để loại bỏ hình phạt tử hình đối với nhóm tội phạm này là do điều kiện kinh tế ngày càng phát triển nên tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội giảm theo tỷ lệ nghịch ngược lại. Đặc biệt, khi kinh tế phát triển, xã hội ổn định, chúng ta sẽ có

nhieu khả năng lựa chọn những biện pháp khác thay thế cho hình phạt tử hình mà vẫn đạt được mục đích của hình phạt. Đối với những người đáng ra phải áp dụng hình phạt tử hình theo qui định của pháp luật hiện hành thì ngoài hình phạt tử (chung thân hoặc tù có thời hạn) cần tăng cường qui định áp dụng hình phạt tiền, biện pháp tịch thu tài sản, tiền liên quan đến việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có. Thực tế cho thấy, đối với các tội phạm kinh tế, tham nhũng, việc tách người phạm tội ra khỏi môi trường phạm tội, xử tù nghiêm khắc, kết hợp với việc tịch thu tài sản và các biện pháp kinh tế, hành chính khác đã đủ trấn áp tội phạm mà không cần phải loại bỏ họ ra khỏi đời sống xã hội. Để cho những loại hình phạt, những biện pháp nêu trên có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả nên xem xét việc qui định pháp nhân là chủ thể của tội phạm đối với các tội phạm có tính chất kinh tế trong luật hình sự. Ngoài ra, cũng cần qui định theo hướng chặt chẽ hơn điều kiện giảm án đối với những người đáng ra phải áp dụng hình tử hình theo qui định của pháp luật hiện hành khi loại hình phạt này được bãi bỏ. Làm được điều này càng chứng tỏ sự ưu việt của chế độ ta trong việc quản lý, giáo dục, cải tạo người phạm tội. Theo lập luận này thì những tội phạm sau đây sẽ loại bỏ hình phạt tử hình: Tội Tham ô tài sản; Tội nhận hối lộ, Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

- *Nhóm các tội phạm ma túy*: Thực tiễn cho thấy, những năm qua đa phần án tử hình được tòa án áp dụng đối với người thực hiện các tội phạm về ma túy nhưng loại tội phạm này không giảm mà lại có chiều hướng gia tăng, có tính chất phức tạp. Rõ ràng là sự nghiêm khắc của hình phạt không những không làm giảm tình hình tội phạm ma túy mà ngược lại tội phạm lại gia tăng. Vấn đề không phải là duy trì hình phạt tử hình mà bản chất phải là tiến hành đồng bộ các giải pháp kinh tế, xã hội, pháp lý trong đó đặc biệt lưu ý đến biện pháp giáo dục và quản lý xã hội, quản lý con người trong công tác phòng ngừa loại tội phạm này. Ngoài ra, cũng cần phải thấy rằng người phạm tội về ma túy chịu ảnh hưởng rất lớn của sự tác động xã hội,

của quá trình quản lý cũng như các chính sách của nhà nước nên xã hội, nhà nước cũng có phần trách nhiệm đối với việc phạm tội của họ. Vì vậy, không nên duy trì hình phạt tử hình đối với hai tội phạm về ma túy được qui định trong BLHS hiện hành, đó là: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193 BLHS 1999); Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194 BLHS 1999).

- *Đối với các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh*. Đây là những tội phạm có tính chất quốc tế được qui định tại chương 24 BLHS 1999, đó là: Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 341 BLHS 1999); Tội chống loài người (Điều 342 BLHS 1999); Tội phạm chiến tranh (Điều 343 BLHS 1999). Những tội phạm này được qui định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và được nội luật hóa bằng một chương tội phạm của BLHS 1999. Sự hiện diện của chương tội phạm này chứng tỏ Việt Nam là đất nước yêu chuộng hòa bình, tôn trọng công lý, lên án chiến tranh đồng thời cũng thể hiện ý chí của nhân dân Việt Nam muốn góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất xâm phạm lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, cũng cần có cách nhìn thực tế về những tội phạm này. Đây là những tội phạm mà tính “thực tiễn” không cao, từ khi ban hành đến nay và có lẽ nhiều năm nữa tòa án Việt Nam chưa phải xét xử lần nào về những tội phạm qui định tại chương này (chúng ta hy vọng sẽ mãi mãi không phải sử dụng đến qui định này của BLHS 1999). Ngoài những nguyên nhân chủ quan, tính “thực tiễn” của những tội phạm này còn phụ thuộc vào chủ quyền quốc gia của các quốc gia nơi có tội phạm xảy ra và các thiết chế tư pháp quốc tế liên quan. Vì vậy, các tội phạm được qui định tại Chương 24, BLHS 1999 mang tính chất chính trị - pháp lý nhiều hơn tính thực tiễn nên theo xu hướng chung của quốc tế chúng ta nên bỏ qui định về hình phạt tử hình đối với các tội phạm ở chương này. Mặt khác, trong các văn kiện pháp lý quốc tế về những tội phạm này không qui định hình phạt tử hình áp dụng đối với

người phạm tội nên chúng ta cũng cần có những qui định tương thích.

Ngoài các tội phạm được kiến nghị loại bỏ nêu trên, pháp luật hình sự cũng cần qui định chặt chẽ điều kiện áp dụng hình phạt tử hình ở những tội phạm còn qui định hình phạt này để thu hẹp đáng kể tội phạm áp dụng. Các tiêu chí cũng như đối tượng áp dụng hình phạt tử hình phải được qui định rõ ràng, theo hướng chỉ những đối tượng vô cùng đặc biệt và trong trường hợp thật cần thiết mới bị áp dụng hình phạt tử hình. Cũng cần qui định cơ chế chuyển từ hình phạt tử hình sang hình phạt tù chung thân, cơ chế ân giảm hình phạt tử hình... Những nội dung này cũng phù hợp với chính sách hình sự được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp.

(2) Ở cấp độ áp dụng pháp luật: Do hình phạt tử hình là loại hình phạt đặc biệt áp dụng cho những đối tượng đặc biệt trong những trường hợp đặc biệt, cần thiết và nó đang trong quá trình tiến tới được Luật hình sự xóa bỏ nên khi áp dụng cần có sự cân nhắc thận trọng trong một cơ chế chặt chẽ, có nhiều tầng nấc. Trước hết cần có những hướng dẫn để tòa án chỉ áp dụng hình phạt này như là biện pháp cuối cùng sau khi đã có đánh giá chính xác cụ thể mọi tình tiết vụ án. Mọi trường hợp áp dụng hình phạt tử hình cần qua các thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm để xem xét tính hợp pháp, hợp lý và nhất là sự cần thiết khi áp dụng hình phạt này.

**Thứ ba**, việc bãi bỏ hay thu hẹp phạm vi hình phạt tử hình đều cần phải lấy ý kiến trực

tiếp người dân theo hình thức trưng cầu dân ý. Thông thường việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự về những vấn đề tội phạm, hình phạt thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo qui định của Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội hiện hành. Tuy nhiên, hình phạt tử hình là vấn đề không những liên quan đến việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm mà còn liên quan đến tâm lý, tình cảm người dân, đến những vấn đề xã hội mà còn liên quan đến chính sách đối ngoại của nhà nước. Vì vậy, loại bỏ hay duy trì hình phạt tử hình trong Luật hình sự cần được tiến hành thông qua thủ tục trưng cầu ý dân (nội dung này đã được qui định trong Hiến pháp 1992). Việc trưng cầu ý dân về vấn đề này không những thể hiện thái độ Nhà nước tôn trọng nguyện vọng nhân dân đối với những vấn đề hệ trọng của đất nước mà còn là cơ sở để nhà nước ra quyết sách đúng về sự tồn tại của hình phạt tử hình. Để việc trưng cầu ý dân được dân chủ, thực chất, khi sửa đổi Hiến pháp cần qui định cơ chế trưng cầu ý dân với thủ tục chặt chẽ nhưng gọn nhẹ, minh bạch để người dân dễ thực hiện.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 ngày 19/6/2009.
- [2] Dự án “*Khảo sát tác động ngăn ngừa của một số hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*” của Trung tâm Tội phạm học thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

## Some thoughts on the penalty of death in Vietnam criminal Law

Nguyen Ngoc Chi

*VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam*

Based on studying the trends of the maintenance or abolition of the death penalty and the regulations on capital punishment in history and in the 1999 Penal Code, the author discusses a number of issues of theory and practice relating to the penalty, especially problems removing or maintaining the death penalty in Criminal law should be done through referendum procedures.